TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2026.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hải;

2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** ông Nguyễn Vinh Sử – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2025/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Huệ N, sinh ngày 06-8-1992; số căn cước công dân: 072192008119, cấp ngày 10-8-2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; cư trú tại: ấp Đ, xã V, tỉnh N, vắng mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; số căn cước công dân: 072090011287, cấp ngày 10-8-2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; cư trú tại: tổ X, Ấp Y, xã B, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ N trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh N (nay là xã B, tỉnh N), giấy chứng nhận kết hôn số 125/2015 ngày 16-10-2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 anh T gây thương tích cho người khác dẫn đến chết người và bị kết án tù. Trong thời gian chấp hành án anh T tiếp tục vi phạm nội quy không được xét giảm án và năm 2024 anh T chấp hành án xong trở về nhà thì chị và anh T không liên lạc, không nói chuyện, không sống chung với nhau,

thỉnh thoảng anh T uống rượu đến nhà cha mẹ chị kiếm chuyện gây gổ cãi nhau với chị. Hiện tại chị không còn tình cảm yêu thương đối với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim C, sinh ngày 09-6-2017, đang sống với chị. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian vợ chồng chung sống, thời gian và nơi đăng ký kết hôn là đúng. Giữa anh và chị N không có mâu thuẫn gì nghiêm T, nguyên nhân chị N yêu cầu ly hôn với anh là do từ năm 2017 anh phải đi chấp hành án tù về tội cố ý gây thương tích, đến năm 2024 sau khi chấp hành án xong thì anh và chị N không sống cùng nhau, anh không thường xuyên quan tâm chăm sóc cho chị N và con. Hiện tại anh vẫn còn tình cảm với chị N, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: anh thống nhất về họ tên, ngày tháng năm sinh của con chung như chị N trình bày là đúng. Anh không có ý kiến gì về con chung, yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

** Nguyên đơn chị N và bị đơn anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ N đối với anh Nguyễn Văn T.

+ Về quan hệ hôn nhân: chị N được ly hôn với anh T.

+ Về nuôi con chung: giao chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Kim C, sinh ngày 09-6-2017. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: chị N và anh T không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: chị N và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh T.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh T có địa chỉ cư trú tại: ấp Y, xã B, tỉnh N. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh T chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, tỉnh N, giấy chứng nhận kết hôn số 125/2015 ngày 16-10-2015 (bút lục số 03). Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng, chị N trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do sau khi chấp hành án phạt tù về tội Cố ý gây thương tích năm 2024 về thì anh T không thay đổi tính tình, không chăm sóc vợ con và thỉnh thoảng uống rượu kiếm chuyện gây gổ cãi nhau với chị. Quá trình giải quyết vụ án, anh T thừa nhận nguyên nhân chị N yêu cầu ly hôn là do anh không thường xuyên quan tâm chăm sóc cho vợ con, vợ chồng không chung sống cùng nhau từ năm 2024, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị N. Nhận thấy, anh T và chị N sống ly thân với nhau thời gian dài, đến nay vẫn không có biện pháp nào để hòa giải đoàn tụ, anh chị là vợ chồng nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ yêu thương chăm sóc nhau, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 của luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T ngày càng trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim C, sinh ngày 09-6-2017 của chị N thấy rằng, hiện tại chị N có công việc buôn bán, thu nhập ổn định hàng tháng và có thời gian để chăm lo cho con; đối với anh T qua xác minh thể hiện anh T đi làm thuê, công việc và thu nhập không ổn định; đồng thời tại biên bản lấy lời khai cháu C ngày 20-10-2025 thì cháu có nguyện vọng sống cùng chị N (bút lục 34). Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu C, căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy cần giao cháu C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: chị N và anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ N đối với anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Huệ N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về nuôi con chung: giao chị Nguyễn Thị Huệ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Kim C, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2017. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Huệ N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Huệ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006327 ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Huệ N và anh Nguyễn Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại UBND xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.THA.TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND thị trấn B (nay là xã B, Giấy CNKH số 125/2015, quyển số 01/2015, ngày 16-10-2015);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy